**PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ - THÁNG 10 - MẪU GIÁO 5 – 6 TUỔI (1) – NGUYỄN KIM YẾN – LÂM THỊ BÍCH TUYỀN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **MỤC TIÊU****GIÁO DỤC** | **NỘI DUNG****GIÁO DỤC** | **HOẠT ĐỘNG****GIÁO DỤC** | **HÌNH THỨC TỔ CHỨC** |
| **Đón trẻ** | **Thể dục sáng** | **Hoạt động học** | **Hoạt động vui chơi** | **Vệ sinh ăn ngủ** | **Hoạt động chiều** | **Trả trẻ** | **Chủ đề** |
| **01.** Trẻ có khả năng nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi. | - Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi. **(Chỉ số 61) (Tuần 1, 3, 5)** | - Cô trò chuyện, đàm thoại, tổ chức các trò chơi để trẻ nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi.  |  |  |  |  |  | X |  | **BẢN THÂN – MỪNG NGÀY PHỤ NỮ VIỆT NAM 20/10 .** |
| **02.** Trẻ có khả năng lắng nghe các bài hát, bài thơ về chủ đề bản thân | - Nghe các bài hát, bài thơ về chủ đề bản thân. **(Tuần 1, 2, 3, 4, 5)** | - Cô tổ chức ở các giờ trong ngày để trẻ nghe các bài hát, bài thơ về chủ đề bản thân | X |  |  |  |  | X |  |
| **03.** Trẻ có khả năng lắng nghe các bài ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi | - Nghe các bài ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. **(Tuần 1, 2, 3, 4, 5)** | - Cô tổ chức ở các giờ trong ngày để trẻ nghe các bài ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi | X |  |  |  |  | X |  |
| **04.** Trẻ có khả năng hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói. | - Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói. **(Chỉ số 76) (Tuần 2, 4)** | - Cô trò chuyện, đàm thoại, tạo tình huống để trẻ biết hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói.  |  |  |   |  |  | X |  |
| **05.** Trẻ có thể sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống trong giao tiếp. | - Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống**. (Chỉ số 77) (Tuần 1, 3, 5)**  | - Cô trò chuyện, đàm thoại, tạo tình huống để giúp trẻ biết sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống. |  |  |  |  |  | X |  |
| **06.** Trẻ không nói tục, chửi bậy trong giao tiếp. | - Không nói tục, chửi bậy. **(Chỉ số 78) (Tuần 2, 4)** | - Cô trò chuyện, đàm thoại, tạo tình huống để giúp trẻ biết không nói tục, chửi bậy.  | X |  |  |  |  | X |  |
| **07.** Trẻ hiểu ý nghĩa nội dung và trả lời được các câu hỏi đàm thoại trong câu chuyện: “Gấu con đi chữa răng” | - Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ. **(Chỉ số 64)**+ Kể chuyện: Gấu con đi chữa răng. **(Tuần 1)** | **-** Cô kể chuyện kết hợp với tranh, video clip, cho trẻ trả lời các câu hỏi đàm thoại, kể chuyện theo tranh câu chuyện: Gấu con đi chữa răng. |  |  | X |  |  |  |  |
| **08.** Trẻ hiểu ý nghĩa nội dung và trả lời được các câu hỏi đàm thoại trong câu chuyện: “Hội thi răng đẹp” | - Kể chuyện: Hội thi răng đẹp **(Tuần 2)** | **-** Cô kể chuyện kết hợp với tranh, video clip, cho trẻ trả lời các câu hỏi đàm thoại, kể chuyện theo tranh câu chuyện: Hộ thi răng đẹp. |  |  | X |  |  |  |  |
| **09.** Trẻ hiểu ý nghĩa nội dung và trả lời được các câu hỏi đàm thoại trong câu chuyện: “3 cô gái” | - Kể chuyện: 3 cô gái.**(Tuần 3)** | - Cô kể chuyện kết hợp với tranh, video clip, cho trẻ trả lời các câu hỏi đàm thoại, kể chuyện theo tranh câu chuyện: 3 cô gái. |  |  | X |  |  |  |  |
| **10.** Trẻ hiểu ý nghĩa nội dung và trả lời được các câu hỏi đàm thoại trong câu chuyện: “Cậu bé mũi dài” | - Kể chuyện: Cậu bé mũi dài **(Tuần 4)** | - Cô kể chuyện kết hợp với tranh, video clip, cho trẻ trả lời các câu hỏi đàm thoại, kể chuyện theo tranh câu chuyện: Cậu bé mũi dài. |  |  | X |  |  |  |  |
| **11.** Trẻ hiểu ý nghĩa nội dung và trả lời được các câu hỏi đàm thoại trong câu chuyện: “Vịt con đi học” | - Kể chuyện: Vịt con đi học **(Tuần 5)** | - Cô kể chuyện kết hợp với tranh, video clip, cho trẻ trả lời các câu hỏi đàm thoại, kể chuyện theo tranh câu chuyện: Vịt con đi học. |  |  | X |  |  |  |  |
| **12.** Trẻ thuộc và hiểu nội dung bài thơ “Gà con học chữ” | - Thơ: Gà con học chữ. **(Tuần 1)** | - Cô đọc thơ kết hợp với tranh, video clip, cho trẻ trả lời các câu hỏi đàm thoại, đọc thơ theo cá nhân, nhóm bài thơ: Gà con học chữ. |  |  | X |  |  |  |  |
| **13.** Trẻ thuộc và hiểu nội dung bài thơ “Cô dạy” | - Thơ: Cô dạy **(Tuần 2)** | - Cô đọc thơ kết hợp với tranh, video clip, cho trẻ trả lời các câu hỏi đàm thoại, đọc thơ theo cá nhân, nhóm bài thơ: Cô dạy. |  |  | X |  |  |  |  |
| **14.** Trẻ thuộc và hiểu nội dung bài thơ “Quà của mẹ” | - Thơ: Quà của mẹ. **(Tuần 3)** | - Cô đọc thơ kết hợp với tranh, video clip, cho trẻ trả lời các câu hỏi đàm thoại, đọc thơ theo cá nhân, nhóm bài thơ: Quà của mẹ. |  |  | X |  |  |  |  |
| **15.** Trẻ thuộc và hiểu nội dung bài thơ “Giữa vòng gió thơm” | - Thơ: Giữa vòng gió thơm.**(Tuần 4)** | - Cô đọc thơ kết hợp với tranh, video clip, cho trẻ trả lời các câu hỏi đàm thoại, đọc thơ theo cá nhân, nhóm bài thơ: Giữa vòng gió thơm . |  |  | X |  |  |  |  |
| **16.** Trẻ thuộc và hiểu nội dung bài thơ “Cái bát xinh” | - Thơ: Cái bát xinh.**(Tuần 5)** | - Cô đọc thơ kết hợp với tranh, video clip, cho trẻ trả lời các câu hỏi đàm thoại, đọc thơ theo cá nhân, nhóm bài thơ: Cái bát xinh |  |  | X |  |  |  |  |
| **17.** Trẻ biết đóng kịch, đóng được vai của nhân vật trong truyện. | - Đóng kịch. **(Tuần 1, 2, 3, 4, 5)** | - Cô tổ chức cho trẻ đóng kịch ở hoạt động góc và hoạt động học. |  |  |  | X |  |  |  |
| **18.** Trẻ thể hiện hiểu biết và có kỹ năng ban đầu về việc đọc, biết phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. | - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. **(Tuần 2, 4)** | - Cô trò chuyện, đàm thoại giúp trẻ biết phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. |  |  |  |  X |  |  |  |
| **19.** Trẻ thể hiện hiểu biết và có kỹ năng ban đầu về việc viết, nhận dạng chữ : “E, Ê” trong bảng chữ cái Tiếng Việt. | - LQCV: “E, Ê” **(Tuần 1)** | **-** Cô tổ chức cho trẻ nhận biết, phát âm đúng chữ: “E, Ê” chơitrò chơi, làm các bài tập trong vở Cùng trẻ phát triển toàn diện chữ cái trang 9, 10 |  |  | X |  |  |  |  |
| **20.** Trẻ thể hiện hiểu biết và có kỹ năng ban đầu về việc viết, nhận dạng ôn chữ : “E, Ê” trong bảng chữ cái Tiếng Việt. | - LQCV: Ôn chữ “E, Ê” **(Tuần 1)** | **-** Cô tổ chức cho trẻ ôn chữ “E, Ê” thông qua các trò chơi, tiếp tục làm các bài tập trong vở Cùng trẻ phát triển toàn diện chữ cái trang 9, 10 |  |  | X |  |  |  |  |
| **21.** Trẻ thể hiện hiểu biết và có kỹ năng ban đầu về việc viết, nhận dạng chữ : “H, K” trong bảng chữ cái Tiếng Việt. | - LQCV: “H, K” **(Tuần 2)** | **-** Cô tổ chức cho trẻ nhận biết, phát âm đúng chữ: “H, K” chơitrò chơi, làm các bài tập trong vở Cùng trẻ phát triển toàn diện chữ cái trang 12, 14. |  |  | X |  |  |  |  |
| **22.** Trẻ thể hiện hiểu biết và có kỹ năng ban đầu về việc viết, nhận dạng ôn chữ : “H, K” trong bảng chữ cái Tiếng Việt. | - LQCV: Ôn chữ “H, K”**(Tuần 2)** | **-** Cô tổ chức cho trẻ ôn chữ “H, K” thông qua các trò chơi, tiếp tục làm các bài tập trong vở Cùng trẻ phát triển toàn diện chữ cái trang 12, 14. |  |  | X |  |  |  |  |
| **23.** Trẻ thể hiện hiểu biết và có kỹ năng ban đầu về việc viết, nhận dạng chữ : “N, M” trong bảng chữ cái Tiếng Việt. | - LQCV: “N, M” **(Tuần 3)** | **-** Cô tổ chức cho trẻ nhận biết, phát âm đúng chữ: “N, M” chơitrò chơi, làm các bài tập trong vở Cùng trẻ phát triển toàn diện chữ cái trang 16, 17 |  |  | X |  |  |  |  |
| **24.** Trẻ thể hiện hiểu biết và có kỹ năng ban đầu về việc viết, nhận dạng ôn chữ : “N, M” trong bảng chữ cái Tiếng Việt. | - LQCV: Ôn chữ “N, M”**(Tuần 3)** | **-** Cô tổ chức cho trẻ ôn chữ “N, M” thông qua các trò chơi, tiếp tục làm các bài tập trong vở Cùng trẻ phát triển toàn diện chữ cái trang 16, 17. |  |  | X |  |  |  |  |
| **25.** Trẻ thể hiện hiểu biết và có kỹ năng ban đầu về việc viết, nhận dạng chữ : “I, T” trong bảng chữ cái Tiếng Việt. | - LQCV: “I, T” **(Tuần 4)** | **-** Cô tổ chức cho trẻ nhận biết, phát âm đúng chữ: “I, T” chơitrò chơi, làm các bài tập trong vở Cùng trẻ phát triển toàn diện chữ cái trang 13, 25 |  |  | X |  |  |  |  |
| **26.** Trẻ thể hiện hiểu biết và có kỹ năng ban đầu về việc viết, nhận dạng ôn chữ : “I, T” trong bảng chữ cái Tiếng Việt. | - LQCV: Ôn chữ “I, T”**(Tuần 4)** | **-** Cô tổ chức cho trẻ ôn chữ “I, T” thông qua các trò chơi, tiếp tục làm các bài tập trong vở Cùng trẻ phát triển toàn diện chữ cái trang 13, 25 |  |  | X |  |  |  |  |
| **27.** Trẻ thể hiện hiểu biết và có kỹ năng ban đầu về việc viết, nhận dạng chữ : “P, Q” trong bảng chữ cái Tiếng Việt. | - LQCV: “P, Q” **(Tuần 5)** | **-** Cô tổ chức cho trẻ nhận biết, phát âm đúng chữ: “P, Q” chơitrò chơi, làm các bài tập trong vở Cùng trẻ phát triển toàn diện chữ cái trang 20, 21. |  |  | X |  |  |  |  |
| **28.** Trẻ thể hiện hiểu biết và có kỹ năng ban đầu về việc viết, nhận dạng ôn chữ : “P, Q” trong bảng chữ cái Tiếng Việt. | - LQCV: Ôn chữ “P, Q”**(Tuần 5)** | **-** Cô tổ chức cho trẻ ôn chữ “P, Q” thông qua các trò chơi, tiếp tục làm các bài tập trong vở Cùng trẻ phát triển toàn diện chữ cái trang 20, 21. |  |  | X |  |  |  |  |